

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào các điều 131, 187 và 188 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 17/3/2025 vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 149/2024/DS-ST ngày 15/10/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 17/3/2025 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*** Đồng nguyên đơn:**

1. Ngân hàng V

Địa chỉ: Số a LH, phường LH, quận DD, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Anh **Đào Tuấn V** – Chuyên viên xử lý nợ.

2. Công ty cổ phần M

Địa chỉ: Tầng b Tòa nhà V, số c DT, phường DVH, quận CG, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Chị **Hoàng Lương Linh C** – Chuyên viên xử lý nợ.

*** Bị đơn:** Bà **Đặng Thị H**, sinh năm 1977;

Nơi thường trú: Thôn PT, xã GP, thành phố YB, tỉnh YB.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Đặng Phương N**, sinh năm 1997;

Nơi thường trú: Thôn PT, xã GP, thành phố YB, tỉnh YB.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Bà Đặng Thị H có vay vốn của Ngân hàng V theo các Hợp đồng tín dụng bao gồm:

* Hợp đồng cho vay số LN231120094xxxx ký ngày 29/12/2023, Số tiền cho vay: 2,600,000,000 đồng (*Hai tỷ sáu trăm triệu đồng*).

* Hợp đồng cho vay hạn mức số LN231122097xxxx và Khế ước nhận nợ kèm theo ký ngày 29/12/2023, Số tiền cho vay: 800,000,000 đồng (*Tám trăm triệu*

đồng)

* Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 29/12/2023, Hạn mức đề nghị: 130,000,000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*)

* Ngày 25/12/2024 Ngân hàng V đã bán cho Công ty cổ phần M 90% khoản nợ phát sinh theo (các) Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay ký giữa Ngân hàng V với bà Đặng Thị H, cụ thể như sau:

- 90% khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN231120094xxxx ký ngày 29/12/2023 và khế ước nhận nợ kèm theo, số tiền cho vay: 2,600,000,000 đồng (*Hai tỷ sáu trăm triệu đồng*).

- 90% Hợp đồng cho vay hạn mức LN231122097xxxx ký ngày 29/12/2023, số tiền cho vay: 800,000,000 đồng (*Tám trăm triệu đồng*)

- 100% khoản nợ phát sinh theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 29/12/2023, Hạn mức đề nghị: 130,000,000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*)

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Đặng Thị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi đối với Ngân hàng V và Công ty M.

*Tạm tính đến ngày 17/03/2025 bà H còn nợ Ngân hàng V tổng số tiền là : **387.742.694** đồng (*Ba trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm chín mươi tư đồng*). Trong đó:

+ Nợ gốc: **340.000.000** đồng (*Ba trăm bốn mươi triệu đồng chẵn*);

+ Nợ lãi: **45.654.574** đồng (*Bốn mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn năm trăm bảy mươi tư đồng*);

+ Nợ lãi chậm trả: **2.088.120** đồng (*Hai triệu không trăm tám mươi tám nghìn một trăm hai mươi đồng*).

Cụ thể :

- Đối với Hợp đồng cho vay số LN231120094xxxx ký ngày 29/12/2023 là **296.892.859** đồng (*Hai trăm chín mươi sáu triệu tám trăm chín mươi hai nghìn tám trăm năm mươi chín đồng*).

Trong đó:

+ Nợ gốc: **260.000.000** đồng (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*).

+ Nợ lãi: **35.269.143** đồng (*Ba mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn một trăm bốn mươi ba đồng chẵn*);

+ Nợ lãi chậm trả: **1.623.716** đồng (*Một triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm mười sáu đồng*);

- Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức LN231122097xxxx ký ngày 29/12/2023 là **90.849.835** đồng (*Chín mươi triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn tám trăm ba mươi lăm đồng*) . Trong đó :

- + Nợ gốc: **80.000.000** đồng (*Tám trăm triệu đồng chẵn*);
- + Nợ lãi: **10.385.431** đồng (*Mười triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm ba mươi một đồng*);
- + Nợ lãi chậm trả: **464.404** đồng (*Bốn trăm sáu mươi tư nghìn bốn trăm linh tư đồng*).

* Tạm tính đến ngày 17/03/2025 bà H còn nợ Công ty M tổng số tiền: **3.701.844.076** đồng (*Ba tỷ bảy trăm linh một triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm bảy mươi sáu đồng*). Trong đó:

- + Nợ gốc: **2.340.000.000** đồng (*Hai tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng chẵn*);
- + Nợ lãi: **410.891.161** đồng (*Bốn trăm mười triệu tám trăm chín mươi một nghìn một trăm sáu mươi một đồng*);
- + Nợ lãi chậm trả: **18.793.078** đồng (*Mười tám triệu bảy trăm chín mươi ba đồng không trăm bảy mươi tám đồng*);
- + Nợ thẻ tín dụng là: **212.159.837** đồng (*Hai trăm mười hai triệu một trăm năm mươi chín nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng*).

Cụ thể :

- Đối với Hợp đồng cho vay số LN231120094xxxx ký ngày 29/12/2023 là **2.672.035.729** đồng (*Hai tỷ sáu trăm bảy mươi hai triệu không trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm hai mươi chín đồng*). Trong đó:

- + Nợ gốc: **2.340.000.000** đồng (*Hai tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng chẵn*);
- + Nợ lãi: **317.422.287** đồng (*Ba trăm mười bảy triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng*);
- + Nợ lãi chậm trả: **14.613.442** đồng (*Mười bốn triệu sáu trăm mười ba nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng*).

- Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức LN231122097xxxx ký ngày 29/12/2023 là **817.648.510** đồng (*Tám trăm mười bảy triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm mười đồng*) . Trong đó :

- + Nợ gốc: **720.000.000** đồng (*Bảy trăm hai mươi triệu đồng chẵn*);
- + Nợ lãi: **93.468.874** đồng (*Chín mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm bảy mươi tư đồng*);
- + Nợ lãi chậm trả: **4.179.636** đồng (*Bốn triệu một trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng*).

- Đối với Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng

vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 29/12/2023 là: **212.159.837** đồng (*Hai trăm mười hai triệu một trăm năm mươi chín nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng*).

2. Tổng số tiền bà Đặng Thị H còn nợ Ngân hàng V tạm tính đến ngày 17/3/2025 là: **387.742.694** đồng (*Ba trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm chín mươi tư đồng*). Trong đó:

- + Nợ gốc: **340.000.000** đồng (*Ba trăm bốn mươi triệu đồng chẵn*);
- + Nợ lãi: **45.654.574** đồng (*Bốn mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn năm trăm bảy mươi tư đồng*);
- + Nợ lãi chậm trả: **2.088.120** đồng (*Hai triệu không trăm tám mươi tám nghìn một trăm hai mươi đồng*).

- Tổng số tiền bà Đặng Thị H còn nợ Công ty M tạm tính đến ngày 17/3/2025 là: **3.701.844.076** đồng (*Ba tỷ bảy trăm linh một triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm bảy mươi sáu đồng*). Trong đó:

- + Nợ gốc: **2.340.000.000** đồng (*Hai tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng chẵn*);
- + Nợ lãi: **410.891.161** đồng (*Bốn trăm mười triệu tám trăm chín mươi một nghìn một trăm sáu mươi một đồng*);
- + Nợ lãi chậm trả: **18.793.078** đồng (*Mười tám triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn không trăm bảy mươi tám đồng*);
- + Nợ thẻ tín dụng là: **212.159.837** đồng (*Hai trăm mười hai triệu một trăm năm mươi chín nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng*).

3. Chậm nhất là ngày 25/3/2025 bà H sẽ thanh toán toàn bộ khoản nợ trên cho Ngân hàng V và công ty M.

4. Biện pháp bảo đảm cho khoản vay của bà Đặng Thị H là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số d, tờ bản đồ số e, tại địa chỉ: phường TT, quận B, Thành phố Hà Nội, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Bà Đặng Thị H theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 333201, Số vào sổ cấp GCN: CS30392 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 23/07/2020; Ngày 22/12/2023, Tại Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội - Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội đã xác nhận chuyển nhượng cho Bà Đặng Thị H. Chi tiết Hợp đồng thế chấp số 5938/2023 ký ngày 26/12/2023, số công chứng 5938/2023, quyền số 04-2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng NK.

5. Trường hợp bà Đặng Thị H không thể trả được nợ cho Ngân hàng V và công ty M theo đúng thỏa thuận thì bà Đặng Thị H nhất chí giao tài sản đã thế chấp nói trên của mình để cơ quan thi hành án thực hiện xử lý tài sản đảm bảo, thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng V và công ty M theo đúng quy định của pháp luật.

- Trường hợp không tự nguyện bàn giao tài sản như đã thỏa thuận thì Ngân hàng V và công ty M có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản

thế chấp để thu hồi toàn bộ nợ gốc, lãi cho Ngân hàng V và công ty M theo đúng quy định của pháp luật.

- Trường hợp giá trị các tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng V và công ty M thì bà Đặng Thị H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số nợ còn lại.

- Lãi suất đối với khoản nợ còn lại được tiếp tục tính theo thỏa thuận như các Hợp đồng tín dụng đã ký.

4. Án phí: Án phí bà Đặng Thị H chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm hòa giải thành là: **56.044.793** đồng (*Năm mươi sáu triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi ba đồng*).

Hoàn lại cho Ngân hàng V số tiền: **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền số 0075263 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tương ứng với khoản tiền chưa thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND quận B;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Quỳnh C